

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HS-ST

Ngày 10 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha.

Bà Trương Ánh Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn A, sinh năm 1987; tại Cà Mau; Nơi cư trú: khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn M; con bà: Bành Thị M', vợ Trần Phong S, con 01 người; tiền sự: Không; tiền án: 01 lần. Tại Bản án số 158/2015/HS-ST ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong hình phạt 29/4/2018, chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 05/3/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- **Bị hại:**

Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 03/4/2023 Trương Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69C1- 163.57 đi vào đường Cao Thắng thuộc khóm 2, phường 8, thành phố Cà Mau. Khi đi ngang đường số 02 thì A phát hiện xe mô tô biển số 66G1- 212.20 đang đậu ở lề đường không người trông coi nên A nảy sinh ý định trộm cắp xe này để bán lấy tiền chi xài cá nhân. A điều khiển xe 69C1- 163.57 đến tiệm tạp hóa ngang Bệnh viện sản nhi mua 01 cây kéo làm công cụ để cạy ổ khóa, rồi quay lại đường số 02. Khi đến đường số 02, A chạy xe lòng vòng để quan sát có người quản lý và trông coi xe hay không, khi không thấy có người A điều khiển xe 69C1- 163.57 đến đường số 4 đậu xe và đi bộ đến đường số 02 khoảng 100m đến chỗ xe 66G1- 212.20 đang đậu. A dùng kéo đã mua để cạy ổ khóa xe 66G1- 212.20 khoảng 30 giây thì mở được ổ khóa xe. A điều khiển xe 66G1- 212.20 đi về hướng cầu Gành Hào tiếp tục đi thẳng về hướng Bạc Liêu theo đường quản lộ Phụng Hiệp. Khi đến gần địa bàn huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu thì gặp 02 người thanh niên (không rõ họ, tên, địa chỉ) đi cùng chiều với A nên A có hỏi 02 người này mua xe không thì 02 người này đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng. A đồng ý bán xe và nhận tiền đón xe buýt về tỉnh Cà Mau.

Đối với chị N, sau khi tiếp thị sữa đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày chị N quay lại nơi đậu xe 66G1- 212.20 ở đường số 02 thì phát hiện xe bị mất nên chị đến Công an phường 8, thành phố Cà Mau trình báo.

Đến 14 giờ cùng ngày, A về đến thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và đến đường số 4 để lấy xe 69C1- 163.57 mà A sử dụng trước khi lấy trộm xe của chị N thì bị Công an phường 8 thành phố Cà Mau phát hiện nên mời A về làm việc.

Qua làm việc Trương Văn A, thừa nhận chính A là người lấy trộm xe 66G1- 212.20 của chị Nguyễn Thị Minh N. Qua đó, Công an có thu giữ các tài sản sau của A gồm:

- Xe mô tô biển kiểm soát 69C1- 163.57.
- 01 điện thoại di động Nokia phím bấm màu đen.
- 01 điện thoại cảm ứng Huawei màu đen.
- 01 căn cước công dân số 096087005669 của Trương Văn A.
- Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐDGTS ngày 29/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66G1- 212.20, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ đen bạc, số máy 12E5563572, số khung 1214DY563577 đã qua sử dụng. Thời điểm định giá ngày 03/4/2023 giá trị 3.466.000 đồng.

Cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Trương Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trương Văn A theo cáo trạng số: 103/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2024 và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn A từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại được nhận lại số tiền 3.500.000đ tại cơ quan thi hành án. Bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 1.500.000đ.

Đối với chiếc xe 69C1- 163.57 giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có đủ cơ sở xử lý sau.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 11 giờ ngày 03/4/2023, Trương Văn A lợi dụng sơ hở của chị Nguyễn Thị Minh N đã lén lút lấy trộm tài sản của chị N là 01 xe mô tô biển kiểm soát 66G1- 212.20, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ đen bạc, trị giá 3.466.000đ tại khóm 2, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nhằm mục đích đem bán lấy tiền chi xài cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện tội phạm hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, làm hoang mang trong quần chúng nhân dân về việc quản lý tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần có mức án nghiêm khắc để có thời gian giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo khắc phục một phần hậu quả; phạm tội

nhưng gây thiệt hại không lớn nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại yêu cầu Trương Văn A trả xe hoặc bồi thường giá trị xe 7.000.000đ vì trong quá trình sử dụng chị có sửa chữa xe 03 lần. Ngày 16/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau trả cho chị N số tiền 2.000.000đ do gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả. Nay chị yêu cầu bồi thường tiếp số tiền 5.000.000đ. Ngoài ra chị còn yêu cầu Trương Văn A bồi thường tiền đi lại khi chị làm việc với cơ quan Công an, vì chị đã chuyển công tác đến tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang công tác. Xét thấy, như nhận định trên chiếc xe hiện không thu hồi được nên không hoàn trả chiếc xe như bị hại yêu cầu. Đối với giá trị xe theo kết luận định giá, chiếc xe có giá trị 3.466.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thống nhất bồi thường giá trị chiếc xe cho bị hại là 7.000.000đ, trừ số tiền gia đình bị cáo đã khắc phục 2.000.000đ (bị hại đã nhận) và số tiền 3.500.000đ hiện cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2024), bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền 1.500.000đ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

- Đối với xe 66G1- 212.20 mà chị Nguyễn Thị Minh N sử dụng là của Nguyễn Minh N' (anh của N) đứng tên, xe được mua mới vào năm 2015 tại Cửa hàng xe Tân Tiến, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đến năm 2019 thì anh N' giao xe cho N quản lý, sử dụng đến nay. Xe này, sau khi Trương Văn A trộm cắp thì A đã bán cho người không rõ họ, tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 69C1- 163.57 mà Trương Văn A sử dụng, quá trình điều tra xác định xe này do Nguyễn Chí H, sinh năm 1973, thường trú đường L, khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau làm chủ. Xe này, Trương Văn A khai: là của A mua khoảng 03 tháng trước khi trộm cắp xe 66G1- 212.20, xe mua cũ tại phường 8 không có sang tên, không làm hợp đồng mua bán và không nhớ tên người bán. Qua xác minh thực tế tại địa phương thì ông H không sinh sống tại địa phương từ năm 2022 cho đến nay, hiện không biết ông H đang làm gì, ở đâu. Do chưa rõ nguồn gốc và chủ sở hữu nên giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ khi có căn cứ xử lý sau.

[7] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trương Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 02/3/2024.

- Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Bị hại Nguyễn Thị Minh N được nhận số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

+ Buộc bị cáo Trương Văn A tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Minh N số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Minh N có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không tự nguyện thi hành xong thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 500.000đ (Chưa nộp).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND TP Cà Mau;
- Bị cáo, bị hại;
- Cơ quan điều tra CATPCM;
- Cơ quan THA hình sự, THA dân sự TP Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, AV, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Thu